

BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ SỐ

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 04/05/2020

Tổng quan thị trường	HSX	HNX
Giá trị đóng cửa	762,47	105,72
Thay đổi (%)	-0,86%	-1,05%
KLGD (triệu CP)	285,57	41,60
GTGD (tỷ VND)	4.001,06	316,45
Số CP tăng giá	110	59
Số Cp đứng giá	48	56
Số Cp giảm giá	251	92

Chỉ số tài chính	HSX	HNX
PB (lần)	1,72	0,98
PE (lần)	11,79	9,56
Hệ số Beta	1,00	0,86
ROE (%)	18,61%	14,45%
ROA (%)	7,75%	5,14%

Giao dịch thỏa thuận	HSX	HNX
Khối lượng (triệu CP)	31,60	1,24
GTGD (tỷ VNĐ)	1.018,03	20,22

Giao dịch NĐT NN	HOSE	HNX
Giá trị mua (tỷ VNĐ)	509,57	7,05
Giá trị bán (tỷ VNĐ)	-597,40	-39,38
GTGD ròng (tỷ VNĐ)	-87,83	-32,33
Tổng GTGD (tỷ VNĐ)	-120,16	

Chỉ số HDTL	Đóng cửa	+/-
VN30-Index	709,35	-5,98
VN30F2004	684,0	-18,5
VN30F2005	676,9	-17,1
VN30F2006	672,6	-16,4
VN30F2009	672,0	-16,1

Thị trường thế giới	Đóng cửa	(%)
DJI *	23.723,69	-2,55%
S&P 500 *	2.830,71	-2,81%
DAX *	10.861,64	-2,22%
FTSE 100 *	5.763,06	-2,34%
Nikkei 225	19.619,35	-2,84%
Hang Seng	23.613,80	-4,18%

* Các chỉ số lấy giá trị phiên liền trước

Vn-Index mất gần 7 điểm trong phiên giao dịch đầu tiên của tháng 5.

Diễn biến thị trường:

Phiên giao dịch đầu tiên sau kỳ nghỉ lễ diễn ra với áp lực bán tăng mạnh ngay từ những phút mở cửa. Những diễn biến kém tích cực của các TTCK Châu Á cùng với lo ngại triển vọng kinh tế tăng trưởng chậm vì ảnh hưởng Covid-19 đã tác động ít nhiều tới tâm lý giới đầu tư. Dù lực cầu bắt đáy đã xuất hiện ngay sau đó và giúp Vn-Index có thời điểm tăng điểm, nhưng áp lực bán chiếm ưu thế và tăng dần về cuối phiên khiến thị trường tiếp tục chìm trong sắc đỏ, với các cổ phiếu đồng loạt đóng cửa giảm điểm. Trong đó, đáng chú ý có cổ phiếu POW giảm sàn xuống 9.820 đồng, SAB giảm 4,9% xuống 155.000 đồng, BVH giảm 4,5%, MWG giảm 2,8%, MSN giảm 2,6%, HPG giảm 2,3%, VNM giảm 1,4%,.... Bên cạnh đó, một số cổ phiếu lớn thuộc nhóm ngân hàng như VCB, BID, VPB, ACB hay MBB cũng giao dịch không mấy tích cực, khiến Vn-Index thiếu đi lực đỡ và đóng cửa mất tới hơn 6 điểm.

Độ rộng thị trường lúc này đang nghiêng về bên bán, với hơn 250 mã giảm điểm trên sàn HOSE, và 90 mã giảm trên sàn HNX. Các nhóm cổ phiếu mang tính thị trường như chứng khoán, xây dựng, bất động sản chịu áp lực bán mạnh và đồng loạt giảm điểm. Bên cạnh đó, nhiều nhóm ngành như thủy sản, dệt may, khu công nghiệp, hàng không... cũng giao dịch khá ảm đạm. Ở chiều ngược lại, dòng tiền có xu hướng dịch chuyển tới các cổ phiếu penny, một vài cổ phiếu như ASM, DRH, OGC, SJF, VAF thậm chí tăng trần. Trên TTCK Phái sinh, cả 4 HĐTL duy trì basis âm từ 25 đến 37 điểm cho thấy tâm lý giới đầu tư đang khá thận trọng với xu hướng thị trường.

Về giao dịch khối ngoại, khối này tiếp tục có phiên bán ròng cổ phiếu trên toàn thị trường, nhưng áp lực bán đã giảm xuống đáng kể, chỉ còn khoảng hơn 100 tỷ đồng. Trong đó, lực bán tập trung vào các cổ phiếu chiếm tỷ trọng không lớn trong VN30, hoặc nằm ngoài rổ VN30 như PVS (-27,8 tỷ đồng), STB (-15,4 tỷ đồng), SSI (-14 tỷ đồng), PVD (-13,5 tỷ đồng)...

Diễn biến CP CSI:

Diễn biến của mã CSI vẫn rất ảm đạm khi không có cổ phiếu nào được khớp lệnh thành công. Kết phiên, CP CSI giữ giá tham chiếu 11.800 đồng/CP.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:

Thị trường chứng khoán Việt Nam mở đầu tháng 5 bằng một phiên giao dịch không mấy tích cực, khi chỉ số Vn-Index giảm tới gần 7 điểm. Thanh khoản trong phiên hôm nay đã giảm xuống đáng kể, và chỉ còn khoảng 3.300 tỷ đồng trên cả hai sàn (không tính giao dịch thỏa thuận), cho thấy tâm lý thận trọng của giới đầu tư vào lúc này. Chúng tôi nhận định rằng, xu hướng điều chỉnh đang được hình thành trong giai đoạn vừa qua. Cùng với việc thiếu đi những tin tức tích cực để hỗ trợ, nhiều khả năng thị trường sẽ tiếp tục giảm điểm nhẹ hoặc đi ngang trong những phiên tới. Vì vậy, chúng tôi khuyến nghị quý nhà đầu tư ưu tiên vị thế đứng ngoài quan sát, và kiên nhẫn chờ đợi cơ hội thực sự xuất hiện trước khi đưa ra quyết định đầu tư.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU VNINDEX



Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo ngắn hạn	Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo Trung hạn
Stochastic	TIÊU CỰC	MACD	TÍCH CỰC
Volume	TIÊU CỰC	MA18	TIÊU CỰC
MA Ngắn hạn	TIÊU CỰC	MA65	TIÊU CỰC
Trend Ngắn hạn	TIÊU CỰC	Trend Trung hạn	TIÊU CỰC

Kết luận: Hòa với xu hướng điều chỉnh của thị trường chứng khoán thế giới, chứng trường Việt Nam cũng có một phiên giao dịch khá tiêu cực trong ngày giao dịch đầu tiên của tháng 5. Biên độ giảm điểm tăng mạnh về cuối phiên với thanh khoản ở mức cao đang cho thấy áp lực bán ngày một lớn hơn.

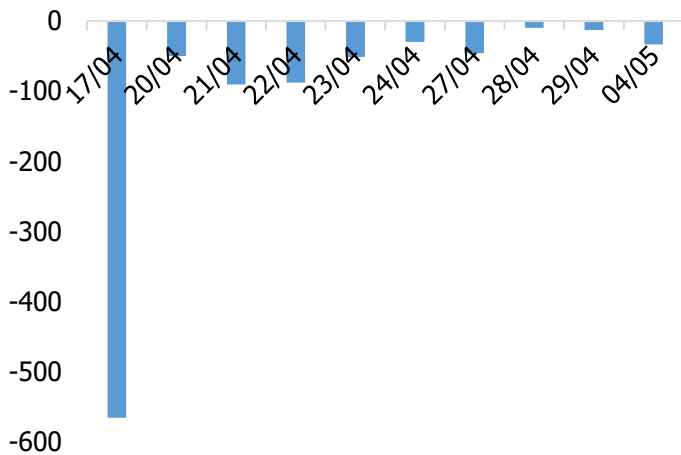
Ở chiều hướng kỹ thuật, diễn biến của phiên giao dịch hôm nay củng cố thêm chiều hướng giảm điểm đã hình thành trong khoảng hơn tuần nay khi Vn-index đã chạm đến ngưỡng kháng cự mạnh 795 điểm. Sau khi liên tục khuyến nghị quý nhà đầu tư chốt lời danh mục và hạ tỷ trọng CP, thì giờ là lúc chúng ta ưu tiên vị thế đứng ngoài quan sát và kiên nhẫn chờ đợi tín hiệu tích cực xuất hiện để tìm kiếm dấu hiệu quay lại thị trường.

GIAO DỊCH NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

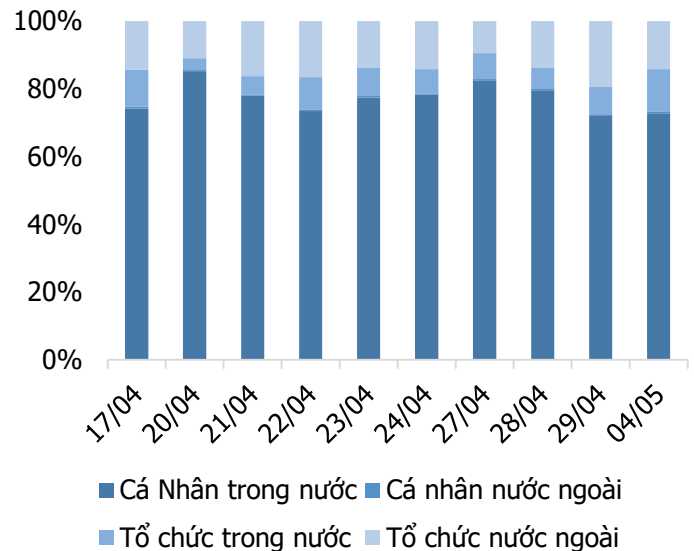
Giao dịch tự doanh ròng - Ngày

Giá trị giao dịch theo nhà đầu tư - Ngày

Giao dịch tự doanh ròng theo ngày



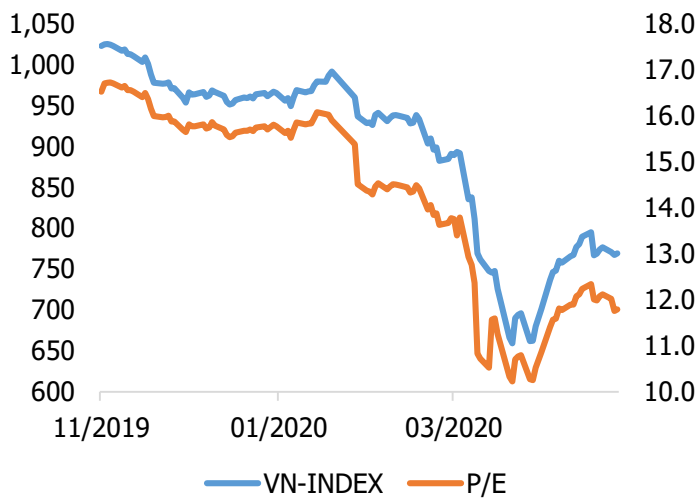
Giao dịch theo NĐT



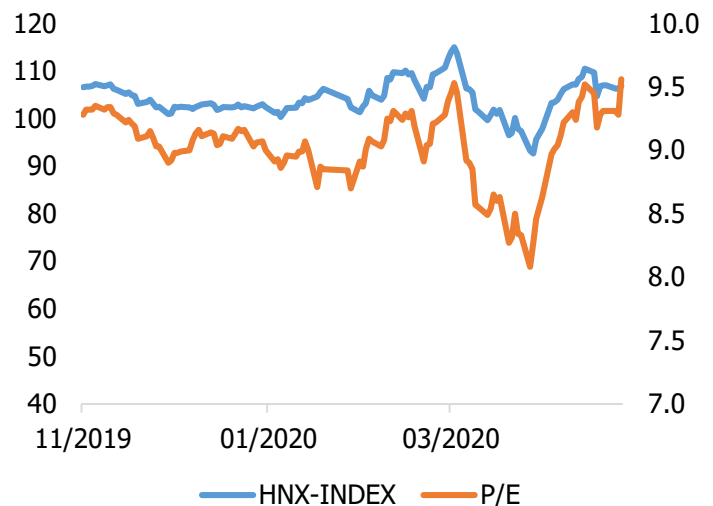
Vn-indexen – P/E lịch sử

Hn-index – P/E lịch sử

VNIndex - P/E lịch sử



HNXIndex - P/E lịch sử



TOP MUA RÒNG TỰ DOANH

Top mua ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
HSG	7,550	2,078.90
CTG	20,050	785.66
REE	29,600	635.24
FPT	50,500	504.00
TCB	17,400	490.53

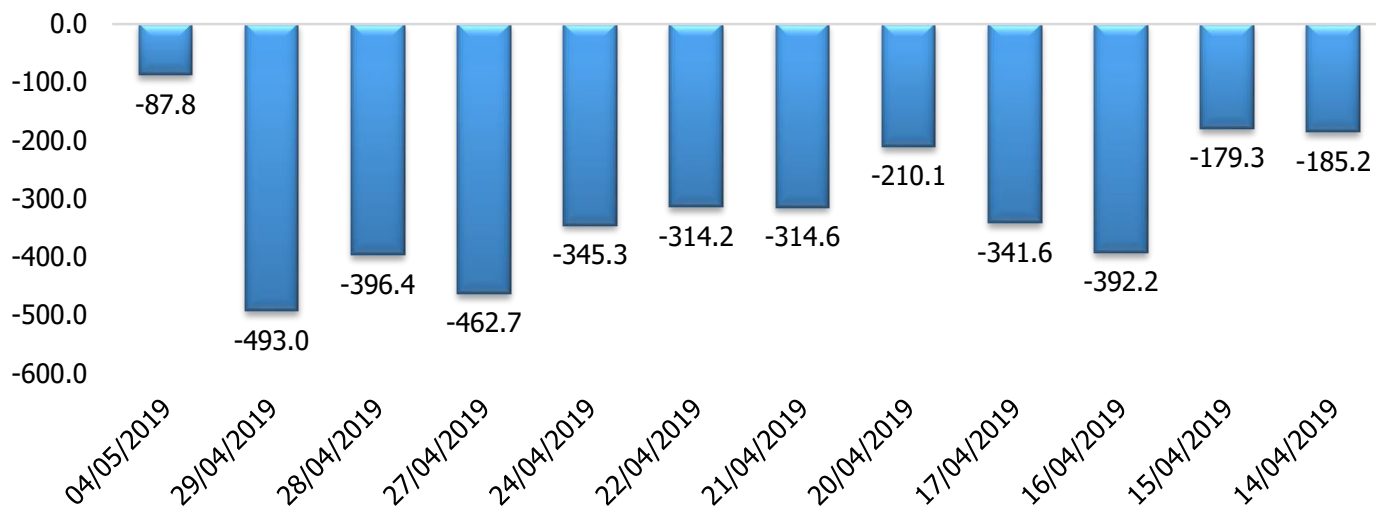
TOP BÁN RÒNG TỰ DOANH

Top bán ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
FPT	50,500	8,596.35
PLX	40,100	5,400.60
NKG	6,550	4,560.01
VPB	20,050	3,956.56
MWG	79,400	2,396.79

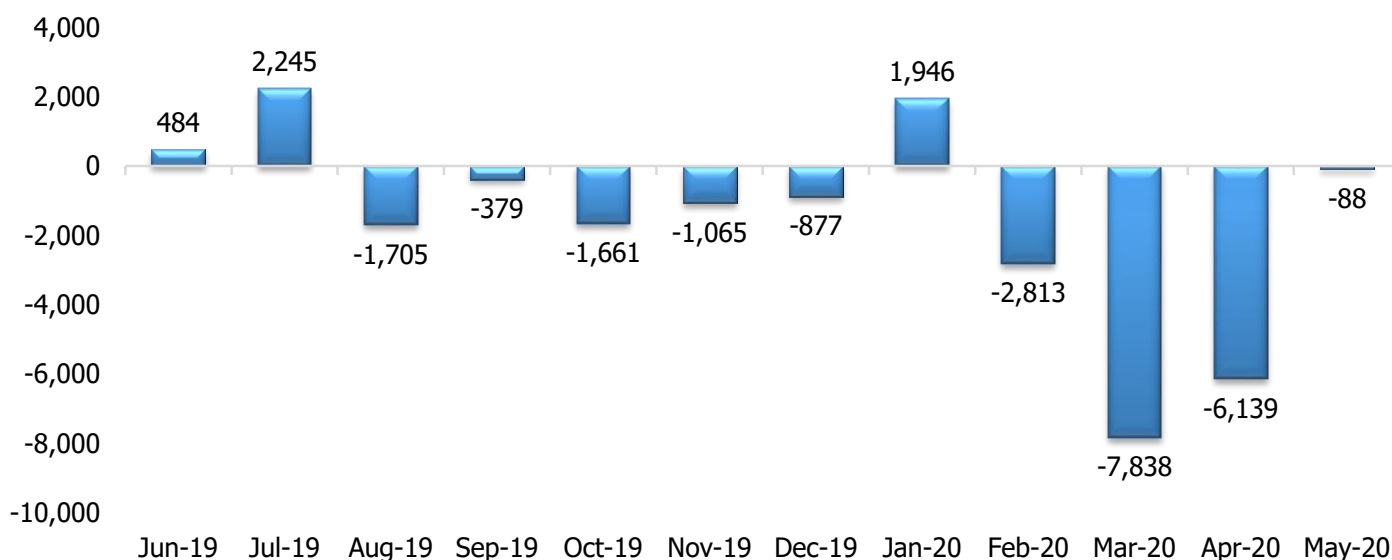
(Nguồn: Fiiopro, VNCS tổng hợp và tính toán)

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ VNĐ)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ VNĐ)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

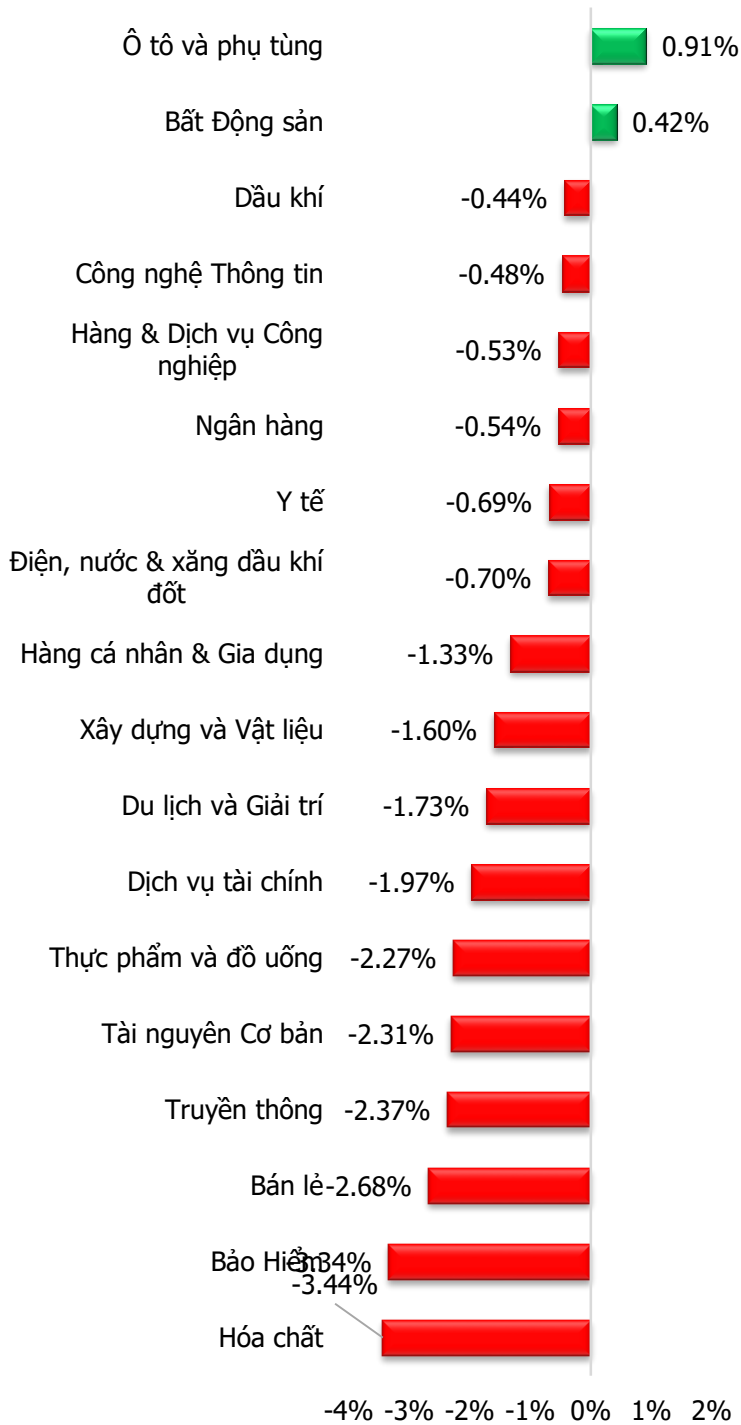
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VHM	20.17	STB	15.41
MSN	19.93	SSI	13.99
HDB	17.74	PVD	13.54
CTG	14.87	NVL	10.96
VPB	14.65	KBC	10.00

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

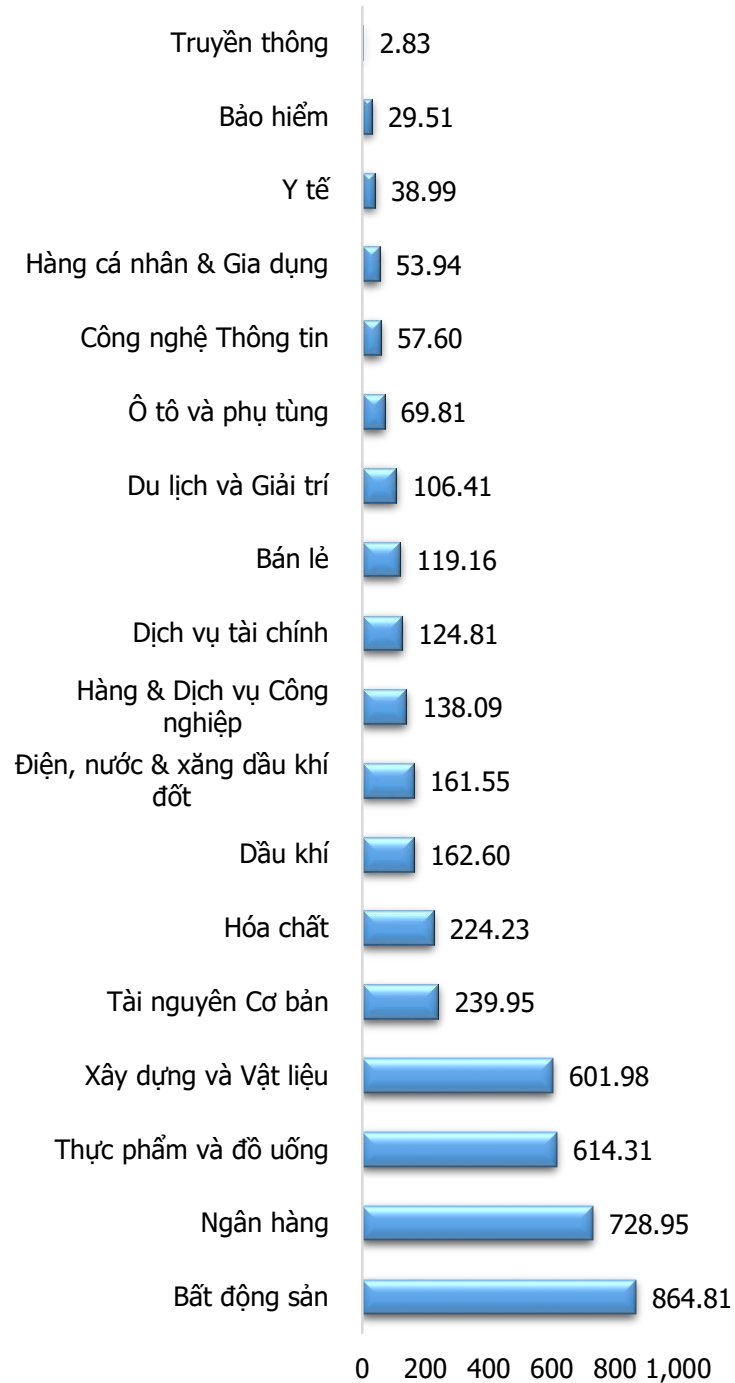
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
SHB	1.53	PVS	27.82
HAD	0.65	HUT	3.94
AMV	0.56	SHS	0.89
PVI	0.21	ART	0.84
TTT	0.16	PVC	0.47

NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



Giá trị giao dịch theo ngành (tỷ đồng)



(Nguồn: Fiinpro)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Giá Mua cao nhất	Giá Bán cao nhất	Cắt lỗ	Giá đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	ASM	4.8	5.4	4.4	4.96	4.80					Chờ khớp
	TV2	59.9	66.4	54.6	61.00	59.30					Chờ khớp
Danh Mục Đang Năm Giữ	DHC	37.9	42.0	34.5	37.25	37.50		5/4/2020		-0.7%	Nắm giữ
	PME	61.1	67.8	55.7	59.90	60.50		4/29/2020		-1.0%	Nắm giữ
	HBC	8.0	8.8	7.3	7.44	7.90		4/28/2020		-5.8%	Nắm giữ
	ILB	15.3	16.9	13.9	14.70	15.10		4/28/2020		-2.6%	Nắm giữ
	DRI	4.1	4.6	3.8	3.90	4.10		4/27/2020		-4.9%	Nắm giữ
	PAC	20.7	23.0	18.9	22.40	20.50		4/27/2020		9.3%	Nắm giữ
	BSR	6.1	6.7	5.5	5.90	6.00		4/21/2020		-1.7%	Nắm giữ
	CII	19.4	21.5	17.7	19.30	19.20		4/21/2020		0.5%	Nắm giữ
	DXG	10.3	11.4	9.4	9.35	10.20		4/21/2020		-8.3%	Cần bán
	PLX	43.2	47.9	39.4	40.10	42.80		4/21/2020		-6.3%	Nắm giữ
	SAS	27.5	30.5	25.0	27.40	27.20		4/21/2020		0.7%	Nắm giữ
	SNZ	18.9	20.9	17.2	21.40	18.70		4/21/2020		14.4%	Nắm giữ
	TIG	5.8	6.4	5.2	5.30	5.70		4/21/2020		-7.0%	Nắm giữ
	VCR	8.6	9.5	7.8	8.20	8.50		4/21/2020		-3.5%	Nắm giữ
	VCS	60.8	67.4	55.4	61.00	60.20		4/21/2020		1.3%	Nắm giữ
	DCL	21.9	24.3	20.0	20.60	21.70		4/20/2020		-5.1%	Nắm giữ
	HMC	12.6	14.0	11.5	13.25	12.50		4/20/2020		6.0%	Nắm giữ
	SMB	29.9	33.2	27.2	29.75	29.60		4/15/2020		0.5%	Nắm giữ
	SIP	72.8	80.8	66.3	75.00	72.10		4/14/2020		4.0%	Nắm giữ
	C32	20.7	23.0	18.9	23.40	20.50		4/13/2020		14.1%	Nắm giữ
C69	5.2	5.7	4.7	6.20	5.10		4/13/2020		21.6%	Nắm giữ	
VTP	112.1	124.3	102.1	123.90	111.00		4/10/2020		11.6%	Nắm giữ	
TLG	28.8	31.9	26.2	30.00	28.50		4/9/2020		5.3%	Cần bán	
LPB	6.5	7.2	5.9	7.10	6.40		4/7/2020		10.9%	Nắm giữ	
SJS	16.1	17.8	14.6	17.95	15.90		4/7/2020		12.9%	Nắm giữ	
MSN	53.0	58.8	48.3	57.30	52.50		3/9/2020		9.1%	Nắm giữ	
DP3	64.6	71.7	58.9	65.50	64.00		8/5/2019		2.3%	Nắm giữ	
Danh Mục Đã Bán	DQC	17.8	19.7	16.2	16.30	17.60	16.20	4/20/2020	5/4/2020	-8.0%	Đã bán
	HVN	19.6	21.7	17.8	27.65	19.40	28.30	4/8/2020	4/21/2020	45.9%	Đã bán
	BMI	15.4	17.0	14.0	21.00	15.20	21.80	3/30/2020	4/20/2020	43.4%	Đã bán
	DBC	18.2	20.2	16.6	19.80	18.00	20.50	3/31/2020	4/10/2020	30.2%	Đã bán
	TDH	6.7	7.4	6.1	8.17	6.60	8.50	4/7/2020	4/22/2020	28.8%	Đã bán
	HII	9.9	11.0	9.0	12.35	9.80	12.50	2/10/2020	3/10/2020	27.6%	Đã bán
	FCN	7.4	8.2	6.7	8.08	7.30	8.15	3/19/2020	4/22/2020	11.6%	Đã bán
	CTR	33.3	37.0	30.4	36.00	33.00	36.80	4/8/2020	4/22/2020	11.5%	Đã bán
	GMD	16.0	17.7	14.5	16.90	15.80	17.50	4/8/2020	4/22/2020	10.8%	Đã bán
	AGG	26.5	29.4	24.2	28.30	26.25	29.10	3/23/2020	4/13/2020	10.9%	Đã bán
	FPT	47.0	52.1	42.8	49.30	46.50	51.00	4/7/2020	4/22/2020	9.7%	Đã bán
	HBC	7.1	7.8	6.4	7.36	7.00	7.60	4/8/2020	4/22/2020	8.6%	Đã bán
	DVN	10.4	11.5	9.5	10.60	10.30	10.80	4/10/2000	4/22/2020	4.9%	Đã bán
	SNZ	16.6	18.4	15.1	16.00	16.40	17.20	2/13/2020	3/10/2020	4.9%	Đã bán
	MSR	15.2	16.8	13.8	15.20	15.00	15.60	3/19/2020	4/22/2020	4.0%	Đã bán
HDB	20.3	22.5	18.5	20.10	20.10	20.70	4/7/2020	4/22/2020	3.0%	Đã bán	
KDC	16.8	18.6	15.3	16.85	16.60	17.00	4/15/2020	4/22/2020	2.4%	Đã bán	

NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HCD	3,830	250	6.98%	1,439,930
VAF	4,910	320	6.97%	20
HRC	35,300	2,300	6.97%	1,420
DRH	4,920	320	6.96%	422,260
VSI	26,150	1,700	6.95%	140

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HKB	800	100	14.29%	29,610
SPI	900	100	12.50%	275,800
TTL	7,700	700	10.00%	243,256
SGC	61,600	5,600	10.00%	136,600
DHP	9,900	900	10.00%	359,053

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HBC	7,440	-560	-7.00%	5,401,870
TCO	9,300	-700	-7.00%	20
EVE	9,180	-690	-6.99%	55,920
NVT	5,200	-390	-6.98%	860
POW	9,820	-730	-6.92%	9,813,410

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
NHP	400	-100	-20.00%	100
BII	600	-100	-14.29%	2,005
VIG	800	-100	-11.11%	100
PVX	800	-100	-11.11%	2,000
MEC	800	-100	-11.11%	139,540

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
FLC	2,820	-170	-5.69%	19,533,960
ITA	2,580	160	6.61%	15,560,440
DLG	1,420	-100	-6.58%	13,061,830
POW	9,820	-730	-6.92%	9,813,410
HSG	7,550	200	2.72%	9,077,090

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HUT	1,700	-100	-5.56%	6,073,880
PVS	11,500	-100	-0.86%	5,280,400
ART	2,500	-100	-3.85%	2,787,559
NVB	7,900	0	0.00%	2,512,100
AMV	16,700	-100	-0.60%	689,865

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
FLC	2,820	-170	-5.69%	19,533,960
ITA	2,580	160	6.61%	15,560,440
DLG	1,420	-100	-6.58%	13,061,830
ROS	3,520	-240	-6.38%	11,269,780
POW	9,820	-730	-6.92%	9,813,410

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
KLF	2,200	-200	-8.33%	7,858,437
HUT	1,700	-100	-5.56%	6,073,880
PVS	11,500	-100	-0.86%	5,280,400
ART	2,500	-100	-3.85%	2,787,559
NVB	7,900	0	0.00%	2,512,100

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

DANH MỤC VN30:

STT	Mã CP	Vốn hóa	Giá trị số sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGD BQ 6T	Giá hiện tại	Tăng/giảm 12T
		tỷ VNĐ	VNĐ	VNĐ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn VNĐ	%
1	BID	143,184	18,529	2,081	0.7%	16.2%	17.11	1.92	1,045,674	35,300	6.76%
2	CTD	4,784	111,923	8,456	11.2%	22.5%	7.41	0.56	169,736	61,000	-48.23%
3	CTG	74,468	21,018	2,510	0.7%	11.9%	7.97	0.95	6,974,726	20,050	-4.07%
4	BVH	34,295	25,688	1,466	1.3%	8.4%	31.51	1.80	333,787	44,100	-41.71%
5	PLX	47,990	19,345	3,213	5.8%	16.2%	12.54	2.08	525,511	40,100	-28.66%
6	EIB	18,441	12,810	701	0.9%	8.6%	21.40	1.17	2,948,410	15,050	-13.51%
7	FPT	34,629	21,624	4,800	11.7%	23.0%	10.58	2.35	2,056,271	50,500	15.55%
8	GAS	121,344	26,569	5,875	17.5%	25.7%	10.79	2.39	490,260	63,800	-41.98%
9	POW	24,707	11,481	1,072	3.9%	8.9%	9.84	0.92	3,491,274	9,820	-32.74%
10	HDB	19,946	20,360	3,782	1.4%	18.6%	5.46	1.01	1,955,877	21,550	-23.04%
11	HPG	59,363	18,066	2,895	16.4%	26.8%	7.43	1.19	7,867,735	21,000	-20.06%
12	MBB	38,462	17,421	3,334	1.4%	14.9%	4.78	0.92	6,233,850	15,850	-22.54%
13	MSN	68,734	36,597	4,754	8.9%	26.1%	12.37	1.61	2,280,725	57,300	-35.33%
14	MWG	36,995	29,527	8,817	12.2%	41.3%	9.27	2.77	1,120,377	79,400	-5.98%
15	NVL	51,580	22,978	3,539	3.7%	13.6%	15.03	2.32	1,522,441	52,800	-11.26%
16	PNJ	12,813	22,139	5,238	18.8%	28.3%	10.86	2.57	799,111	56,500	-24.12%
17	REE	9,302	33,533	5,286	11.6%	19.1%	5.68	0.89	851,420	29,600	-2.80%
18	ROS	2,134	10,645	314	7.6%	14.0%	11.97	0.35	18,753,174	3,520	-88.50%
19	SAB	104,529	29,325	7,880	22.0%	30.1%	20.69	5.56	203,858	155,000	-34.84%
20	SBT	8,365	12,426	529	3.0%	8.0%	25.99	1.11	2,536,569	14,150	-19.96%
21	SSI	7,812	15,536	1,783	6.6%	14.4%	7.29	0.84	2,196,883	12,700	-40.58%
22	STB	16,413	15,273	1,329	0.4%	6.3%	6.85	0.60	7,260,050	8,980	-27.29%
23	TCB	60,202	18,356	2,987	3.1%	25.6%	5.76	0.94	4,731,028	17,400	-27.50%
24	VCB	252,204	22,914	4,849	1.2%	20.3%	14.02	2.97	1,129,463	67,400	1.95%
25	VHM	209,213	19,128	7,688	0.0%	0.0%	8.27	3.32	1,639,713	64,900	-27.34%
26	VIC	310,845	23,007	2,023	1.6%	5.8%	45.43	3.99	876,463	91,800	-18.40%
27	VJC	60,503	29,231	7,789	15.1%	45.4%	14.83	3.95	509,627	114,300	-3.54%
28	VNM	172,396	15,794	6,075	28.5%	38.9%	16.30	6.27	1,769,706	97,600	-22.70%
29	VPB	49,974	18,264	3,749	2.6%	24.1%	5.47	1.12	5,467,565	20,050	5.80%
30	VRE	52,491	12,063	1,180	5.6%	7.9%	19.57	1.91	3,280,406	23,450	-33.12%

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: vncs,research@vn-cs.com

Người thực hiện: Dương Quang Minh

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: minhdq@vn-cs.com

Người thực hiện: Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: huongdt@vn-cs.com

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu

Email: ngocdb@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: khanglec@vn-cs.com

Dương Quang Minh

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: minhdq@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Trần Vũ Phương Liên

Chuyên viên phân tích

Email: lientvp@vn-cs.com

Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: huongdt@vn-cs.com

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích

Email: duongvt@vn-cs.com

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá,

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/ giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS,

TRỤ SỞ VNCS

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: + 84 24 3926 0099 Webiste: www.vn-cs.com